

Văn phòng
Chủ tịch UBND
29/12/2017
Đ/c: 100

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

Số: 3044/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ NAM ĐỊNH

CÔNG VĂN

Nam Định, ngày 26 tháng 12 năm 2017

Số: 5240

Ngày: 29/12/2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên,
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về
Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
việc Quy định về hồ sơ của đồ án và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch
đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt
chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 7/12/2017 của HĐND tỉnh Nam
Định về việc thông qua Quy hoạch vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đến năm
2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh
Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định phê duyệt số 1625/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của
UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây
dựng vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm
2050;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 192a/TTr-UBND ngày 02/11/2017 của UBND
huyện Ý Yên, Tờ trình số 101/TTr-SXD ngày 21/12/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Ý Yên, bao gồm 32 đơn vị hành chính trực thuộc với 01 Thị trấn là Thị trấn Lâm và 31 xã là Yên Bằng, Yên Bình, Yên Chính, Yên Cường, Yên Đồng, Yên Dương, Yên Hồng, Yên Hưng, Yên Khang, Yên Khánh, Yên Lộc, Yên Lợi, Yên Lương, Yên Minh, Yên Mỹ, Yên Nghĩa, Yên Nhân, Yên Ninh, Yên Phong, Yên Phú, Yên Phúc, Yên Phương, Yên Quang, Yên Tân, Yên Thành, Yên Thắng, Yên Thọ, Yên Tiến, Yên Trị, Yên Trung, Yên Xá.

- + Phía Bắc giáp huyện Thanh Liêm và huyện Bình Lục thuộc tỉnh Hà Nam;
- + Phía Đông giáp huyện Vụ Bản;
- + Phía Đông Nam giáp huyện Nghĩa Hưng;
- + Phía Nam giáp huyện Yên Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình;
- + Phía Tây giáp thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình.

1.2. Quy mô diện tích:

Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Ý Yên: 246,11 km²

1.3. Thời hạn quy hoạch:

Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tính chất vùng huyện:

- Là một trong những trung tâm văn hóa, xã hội - kinh tế thuộc tỉnh Nam Định.
 - Là vùng phát triển đa ngành, trong đó thế mạnh là phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.
 - Là đầu mối giao thông quan trọng phía Tây của tỉnh Nam Định, nằm trên trực đường kết nối vùng kinh tế biển Nam Định với đường Cao tốc Bắc - Nam.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

3.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 12%/năm. Giai đoạn 2021-2030 tăng bình quân đạt 14%/năm.

GTSX bình quân đầu người năm 2030 đạt 340 triệu đồng.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- + Năm 2020: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 70% - 17% - 13%.
- + Năm 2030: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 74% - 17% - 9%.

+ Năm 2050: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 65% - 30% - 5%.

3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2016-2020 là 1%.

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2030 là 1,1% do sự hình thành của các khu đô thị mới và sự phát triển về công nghiệp, dịch vụ là yếu tố làm tăng dân số cơ học.

- Dân số năm 2020: 240.930 người, năm 2030 là 268.800 người.

- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 65% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

3.3. Dự báo sử dụng đất:

3.3.1. Quan điểm chung:

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Phân bổ diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển, duy trì để đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác sử dụng đất phải chú ý đến bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững.

3.3.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất

Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích tự nhiên	24.610,8	100
Đất nông nghiệp	14.472,39	59,0
Đất phi nông nghiệp	9.891,94	40,8
Đất chưa sử dụng	46,47	0,2

- Năm 2020:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 9.640 ha.

+ Đất đô thị khoảng 3.890 ha, bình quân $880 \text{ m}^2/\text{người}$. Đất dân dụng khoảng 375 ha, chỉ tiêu khoảng $85\text{m}^2/\text{người}$.

+ Đất nông thôn khoảng: 5.750 ha.

- Năm 2030:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn Huyện khoảng: 10.235 ha.

- + Đất đô thị khoảng 4.735 ha, bình quân 580 m²/người. Đất dân dụng khoảng 725 ha, chỉ tiêu khoảng 90m²/người.
- + Đất nông thôn khoảng: 5.500 ha.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

4. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng:

4.1. Mô hình phát triển không gian vùng:

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực. Trong đó lấy các đô thị trung tâm và vùng phát triển kinh tế làm hạt nhân phát triển không gian vùng. Từ đó lan tỏa ra các khu vực xung quanh.

Cụ thể đối với vùng huyện Ý Yên: Phân làm 3 tiểu vùng phát triển không gian:

+ Không gian vùng phía Bắc huyện: Lấy Đô thị Bo làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục Cao tốc Bắc - Nam, trục QL37C và các trục huyện lộ, đường trục xã). Đây là khu vực phát triển không gian nông nghiệp là chủ yếu với các cánh đồng lớn trồng lúa và các khu vực trồng cây công nghệ cao. Bên cạnh đó là không gian cho sản xuất công nghiệp với khu công nghiệp Trung Thành, CCN Yên Chính và các làng nghề tại xã Yên Trung.

+ Không gian khu vực trung tâm huyện: Lấy TT. Lâm kết hợp với Đô thị thành lập mới thuộc địa phận 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục Cao tốc Bắc - Nam, trục QL38B, QL37B, QL37C, QL10, HL57B, TL490B và các trục huyện lộ). Đây là khu vực phát triển mạnh về không gian sản xuất công nghiệp và thương mại – dịch vụ với khu công nghiệp Hồng Tiến, các CCN, các làng nghề và cụm đô thị kết hợp với hệ thống các trung tâm thương mại, cửa hàng dịch vụ gắn với các trục giao thông lớn.

+ Không gian vùng phía Nam huyện: Lấy Đô thị Yên Đồng kết hợp với Đô thị Đồng Cao làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (QL37B, TL490B và các trục huyện lộ). Đây là khu vực phát triển chủ yếu về không gian nông nghiệp và thương mại – dịch vụ với các cánh đồng trồng màu tập trung, các khu vực trồng cây công nghệ cao và hệ thống thương mại dịch vụ tại xã Yên Đồng và khu vực Đồng Cao.

Ba tiểu vùng trên kết nối với nhau bởi trục hành lang phát triển dọc các tuyến Cao tốc Bắc - Nam, QL37C, QL10.

4.2. Định hướng phát triển không gian các khu vực và vùng kinh tế:

** Khu vực phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và công nghiệp:*

Tận dụng lợi thế về giao thông đường bộ do xây dựng đường trục kết nối trung tâm huyện, tại khu vực hai bên đường sẽ xây dựng khu vực phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và công nghiệp với quy mô khoảng 500 ha. Đây sẽ là động lực phát triển cho khu vực trung tâm huyện cũng như của toàn huyện Ý Yên. Ranh giới khu vực bao gồm một phần diện tích đất nông nghiệp của TT.Lâm, xã Yên Ninh, Yên Xá và Yên Dương.

5. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn:

5.1. Định hướng phát triển các đô thị:

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt 30%.

- Giai đoạn đến năm 2020: 2 đô thị loại V là Thị trấn Lâm và đô thị thành lập mới thuộc địa phận 4 xã: Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến.

- Giai đoạn 2021-2030: 3 đô thị, trong đó nâng cấp TT. Lâm và đô thị mới thuộc địa phận 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến lên thành đô thị loại IV, thành lập mới đô thị Bo xã Yên Chính (đô thị loại V).

- Giai đoạn sau 2030: 2 đô thị loại IV (TT. Lâm và đô thị mới thuộc địa phận 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến), 3 đô thị loại V là Đô thị Bo, Đô thị Yên Đồng và Đô thị Đồng Cao (trong đó thành lập mới 2 đô thị Yên Đồng và Đồng Cao).

5.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn:

- Thu hẹp dần độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn. Đến năm 2018, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn NTM và đưa Ý Yên trở thành huyện NTM vào năm 2019. Tiếp tục xây dựng NTM bền vững và phát triển.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí xã và 9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp. Đến năm 2020, 32/32 xã, thị trấn và huyện đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và phát triển.

6. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

6.1. Định hướng phát triển các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất:

Các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất bao gồm các chức năng: sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); về thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất

lượng, bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường) và dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống (giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao).

Trên địa bàn huyện, xây dựng 3 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại TT. Lâm, nút Cao Bồ và đô thị Bo.

6.2. Định hướng phát triển nông - lâm - thủy sản:

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá với tỷ trọng cao các sản phẩm chất lượng cao thông qua tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030 đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: kinh tế - xã hội - môi trường, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng CNH – HDH, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động và nguồn lợi biển, đảm bảo an ninh lương thực, tăng nhanh khối lượng, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hoá.

6.3. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp - xây dựng, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: cơ khí, chế biến gỗ và mộc dân dụng, dệt may. Củng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

** Khu công nghiệp:*

- Xây dựng khu công nghiệp Hồng Tiến (xã Yên Tiến, Yên Hồng) với quy mô 150 ha. Quy hoạch các ngành nghề đầu tư vào KCN: Cơ khí nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và dệt may.

- Xây dựng khu công nghiệp Trung Thành (Xã Yên Thành, Yên Trung) với quy mô 200 ha. Quy hoạch các ngành sản xuất VLXD; chế biến nông sản thực phẩm, lắp ráp điện tử, điện lạnh; cơ khí nông nghiệp; sản xuất hàng tiêu dùng và dệt may.

** Cụm công nghiệp:*

- Giai đoạn đến năm 2025: Thực hiện theo quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định, toàn huyện có 10 CCN bao gồm: CCN Tống Xá, CCN La Xuyên, CCN Yên Xá, CCN Yên Ninh, CCN TT.Lâm, CCN Yên Đồng, CCN Yên Chính, CCN Yên Bằng, CCN Yên Dương, CCN Yên Phong.

- Giai đoạn sau năm 2025: Định hướng thành lập CCN Yên Thọ với quy mô 20 ha.

6.4. Thương mại, dịch vụ:

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

7. Định hướng hệ thống các lĩnh vực, công trình hạ tầng xã hội:

7.1. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo:

Đến năm 2018, 100% các cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

7.2. Hệ thống công trình y tế, bảo vệ sức khỏe:

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh.

- Xã hội hóa công tác y tế: Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Đến năm 2020: Nâng cấp bệnh viện đa khoa Huyện lên bệnh viện hạng II.

- Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Xây dựng 1 bệnh viện tư nhân.

+ Thành lập 2 trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

7.3. Văn hóa - Thể thao:

- Đến năm 2018, 100% xã, thị trấn đều xây dựng được Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, thị trấn được quy hoạch ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho các hoạt động cộng đồng với tổng diện tích khuôn viên tối thiểu 2.500 m²; 100% khu dân cư xây dựng được nhà văn hoá – khu thể thao xóm.

- Giai đoạn 2021-2030: 100% trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn, khu dân cư đầy đủ trang thiết bị.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Định hướng phát triển giao thông:

8.1.1. Giao thông đường bộ:

- Đường cao tốc: Đường cao tốc Bắc - Nam quy hoạch đạt quy mô 6 làn xe.

- Quốc lộ: Các tuyến Quốc lộ 10, Quốc lộ 38B, Quốc lộ 37B, Quốc lộ 37C quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Tỉnh lộ: Các tuyến Tỉnh lộ 485, Tỉnh lộ 486B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. Tỉnh lộ 490B quy hoạch đường cấp II đồng bằng, sau năm 2030 quy mô đường 6 làn xe cơ giới.

- Huyện lộ:

+ 3 tuyến Huyện lộ hiện có: Huyện lộ 57B, Đường Lương Trị, Đường Thành Xá quy hoạch đảm bảo đường cấp IV đồng bằng.

+ 1 tuyến Huyện lộ quy hoạch mới: Huyện lộ Phương Khang đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

8.1.2. Giao thông đường thuỷ:

+ Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện vượt sông cho bến phà Đồng Cao.

+ Quy hoạch khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão sông Đáy tại xã Yên Quang với quy mô 200ch/400cv.

- Tuyến sông Đáy: Phục vụ phương tiện đến 3.000T (giảm tải) cập cảng Ninh Phúc, quy hoạch cấp đặc biệt.

- Tuyến sông Sắt: Duy trì cấp sông hiện tại (cấp V).

- Tuyến sông Chanh: Đến năm 2020, duy trì cấp sông hiện tại (cấp V), sau năm 2020, nâng cấp cải tạo lên sông cấp IV.

- Tuyến sông Mỹ Đô: Đến năm 2020, duy trì cấp sông hiện tại (cấp V), sau năm 2020, nâng cấp cải tạo lên sông cấp IV.

8.1.3. Đất giao thông tĩnh:

- Đầu tư nâng cấp bến xe của huyện theo quy chuẩn bến loại 4 với diện tích 2.500m².

8.1.4. Giao thông đường sắt:

Xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao trực Bắc Nam, trước mắt khai thác tốc độ chạy tàu từ 160 km/h đến dưới 200 km/h, đường đôi khổ 1.435mm, điện khí hóa, hạ tầng tuyến có thể đáp ứng khai thác tốc độ cao tốc 350 km/h trong tương lai.

8.2. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Kết hợp hình thức khai thác nước mặt gồm sông Đáy, sông Đà và nước ngầm trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

Bảng Dự báo nhu cầu dùng nước

STT	Năm	Nhu cầu dùng nước(m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu (m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ, thoát, yêu cầu NM	Công nghiệp	
1	Năm 2020	33.525	20.711	54.236
2	Năm 2030	37.404	30.161	67.565

8.3. Cấp điện:

Dự báo đến năm 2020 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là Pmax = 63MW, đến năm 2030 Pmax = 87MW.

Trong cơ cấu tiêu thụ điện năng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030, điện dùng cho quản lý tiêu dùng dân cư và điện cho công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2020 là 294 triệu kWh, đến năm 2030 là 680 triệu kWh.

8.4. Quy hoạch hệ thống thủy lợi:

+ Đề kè: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục hoàn thành các dự án nâng cấp các tuyến đê sông. Thường xuyên kiểm tra hệ các tuyến đê sông (sông Đáy, sông Đào) để đảm bảo an toàn trong mọi điều kiện thời tiết.

+ Hệ thống các công trình thuỷ lợi:

- Thực hiện dự án cải tạo hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại xã Yên Khang.

- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm sông Chanh xã Yên Phúc.

- Nâng cấp và quay vòi trạm bơm Quỹ Độ, Vĩnh Trị để kết hợp tưới và tiêu.

- Đầu tư xây dựng trạm bơm Độc Bộ.

- Cải tạo, nâng cấp cống Đông Duy xã Yên Quang, cống Tây Vĩnh xã Yên Trị, cống Thanh Khê xã Yên Đồng, cống Quán Khởi xã Yên Phúc.

- Nạo vét kè mái sông Sinh xã Yên Tân, Yên Lợi, Yên Bình.

- Kiên cố hóa kênh cấp III để tăng hiệu quả tưới.

8.5. Quy hoạch thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang:

* Thoát nước

Hệ thống thoát nước đô thị phải được tách riêng hoặc nửa riêng, nửa chung để đảm bảo nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Đảm bảo tiêu thoát tốt, hạn chế tình trạng ngập lụt cục bộ do mưa hoặc triều cường

Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho các khu vực dân cư nông thôn nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng sống khu vực nông thôn.

Bảng Dự báo tổng lượng nước thải

STT	Năm	Nhu cầu thoát nước ($m^3/ng.\text{đ}$)		Tổng nhu cầu ($m^3/ng.\text{đ}$)
		Sinh hoạt, dịch vụ	Công nghiệp	
1	Năm 2020	33.525	16.569	50.094
2	Năm 2030	37.404	24.129	61.533

* Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn:

+ Định hướng quy hoạch khu xử lý chất thải rắn Yên Minh tại xã Yên Minh, xử lý CTR cho toàn huyện Ý Yên, trung chuyển CTR nguy hại cho huyện Ý Yên, đốt CTR y tế nguy hại cho huyện Ý Yên với quy mô 5 ha.

+ Trước mắt CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý tại KCN Hòa Xá

+ Các CTR công nghiệp thông thường và các CTR y tế trên địa bàn huyện sẽ được xử lý tại KXL CTR Yên Minh - huyện Ý Yên.

* Nghĩa trang:

Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt.

9. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường:

Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường cụ thể trong từng giải pháp về tổ chức quản lý; bảo vệ môi trường nước ngầm; giải pháp bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước mặt; giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; Vùng trồng rừng, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong thời kỳ quy hoạch

STT	TÊN DỰ ÁN
1	Đầu tư xây dựng đường trực phát triển kết nối vùng kinh tế biển Nam Định với đường cao tốc Bắc - Nam (TL490B)
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Phủ Dầy (tuyến mới thuộc QL37B)
3	Nâng cấp đường huyện lộ Lương Trì và 7 trực đường liên xã.
4	Đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp
5	Xây dựng Hạ tầng KCN Hồng Tiến, KCN Trung Thành
6	Xây dựng 3 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại TT.Lâm, nút Cao Bồ và đô thị Bo.

7	Xây dựng các khu dân cư tập trung tại các xã: Yên Thọ, Yên Chính, Yên Hồng, Yên Đồng, Yên Trị.
8	Đầu tư xây dựng khu trung tâm thương mại tổng hợp tại nút Cao Bồ, khu thương mại dịch vụ tại đầu cầu Non Nước
9	Xây dựng các cụm dịch vụ tại khu vực Đống Cao, Yên Thắng, Yên Đồng, Phố Cháy, Bo, Yên Dương và dọc theo đường trục phát triển kinh tế TL490B
10	Xây dựng kè Đồng Cao, An Quang II xã Yên Phúc, kè Quỹ Độ, kè Ngọc Trân xã Yên Trị.
11	Xử lý kè đê bồi Yên Trị, bồi Ninh Mật - Yên Bằng.
12	Xây kè hộ bờ, kè lát mái ở các điểm xung yếu và vùng không có bãi sông (từ Yên Phong đến Yên Quang)
13	Đầu tư xây dựng trạm bơm Độc Bộ.
14	Nâng cấp hạ tầng thiết yếu Khu du lịch làng nghề La Xuyên (Yên Ninh)
15	Đầu tư tu bổ, nâng cấp, gìn giữ Bảo tàng huyện.
16	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm văn hóa thể thao huyện
17	Xây dựng cơ sở đào tạo chất lượng cao: trường THPT Tống Văn Thành và trường THCS Lê Quý Đôn
18	Đầu tư các dự án phục vụ xây dựng NTM: Nâng cấp nhà máy nước Yên Lộc, đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt liên xã phía bắc huyện đặt tại xã Yên Thọ, nâng cấp hệ thống các chợ trên địa bàn huyện; nâng cấp hệ thống đường trục xã, thôn xóm, đường nội đồng theo tiêu chí xây dựng NTM; đầu tư nâng cấp hệ thống y tế tuyến xã; đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao....

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Ý Yên:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan để xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành của tỉnh các đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ý Yên được duyệt tại Điều 1 theo quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thuộc lĩnh vực của đơn vị.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ý Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự